

Số: 4251 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hoàn thiện hệ thống
điện chiếu sáng đường Bắc Nam 2 - Khu kinh tế Nghi Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 13/04/2022 Về chủ trương đầu tư dự án: Hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng đường Bắc Nam 2 - Khu kinh tế Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8711/SXD-HĐXD ngày 23/11/2022 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng đường Bắc Nam 2 - Khu kinh tế Nghi Sơn; kèm theo hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng số 8463/SXD-HĐXD ngày 14/11/2022; của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tại Tờ trình số 3446/TTr-BQLKKTNS&KCN ngày 01/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng đường Bắc Nam 2 - Khu kinh tế Nghi Sơn, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng đường Bắc Nam 2- Khu kinh tế Nghi Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN.

4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và chuyển giao công nghệ DPH.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện theo quy hoạch các tuyến giao thông trục chính trong Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo chiếu sáng phục vụ giao thông thông suốt và an toàn giao thông trên tuyến, tạo điểm nhấn thu hút đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

6. Quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Đường cáp ngầm trung áp: Đầu tư xây dựng mới tổng số 2,944km đường cáp ngầm trung áp. Trong đó:

- Đường cáp ngầm 35kV: 1,246 km.
- Đường cáp ngầm 22kV: 1,698 km.

6.2. Trạm biến áp: Đầu tư xây dựng mới 05 trạm biến áp. Trong đó:

- TBA 31,5-22/0,4kV: 03 trạm đặt tại phường Hải Bình và Mai Lâm.
- TBA 31,5-35(22)/0,4kV: 02 trạm đặt tại phường Mai Lâm và Xuân Lâm

6.3. Đường cáp ngầm chiếu sáng: Đầu tư xây dựng mới 02 tuyến đường điện chiếu sáng đi dọc 02 bên vỉa hè đường Bắc Nam 2. Với tổng chiều dài tuyến cả 2 bên khoảng 14,249 km.

7. Giải pháp thiết kế chủ yếu

Để đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể của dự án, đường dây trung áp được chọn bằng đường dây cáp ngầm 22kV và 35kV cụ thể như sau:

7.1. Giải pháp thiết kế tuyến cáp ngầm trung áp cấp điện cho các trạm biến áp chiếu sáng như sau:

7.1.1 Giải pháp công nghệ

a) Trạm biến áp chiếu sáng T1:

- Vị trí điểm đầu nối: Tại cột 28A lộ 371E9.13.
- Điểm cuối: TBACS T1, công suất 31,5kVA-35(22)/0,4kV xây dựng mới.
- Loại dây dẫn: Cáp ngầm Al/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W-3x95-40,5kV.

- Chiều dài tuyến: 0,63km.

b) Trạm biến áp chiếu sáng T2:

- Vị trí điểm đầu nối: Tại tủ RMU3 của trạm biến áp T3.
- Điểm cuối: TBACS T2 công suất 31,5kVA-22/0,4kV xây dựng mới.
- Loại dây dẫn: Cáp ngầm Al/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W- 3x95-24kV.
- Chiều dài tuyến: 1,62km.

c) Trạm biến áp chiếu sáng T3:

- Vị trí điểm đầu nối: Cột số 82 lộ 474 E9.37.
- Điểm cuối: TBACS T3, công suất 31,5kVA-22/0,4kV xây dựng mới.
- Loại dây dẫn: Cáp ngầm Al/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W-3x95-24kV.
- Chiều dài tuyến: 0,05km.

d) Trạm biến áp chiếu sáng T4:

- Vị trí điểm đầu nối: Cột số 45 lộ 475E9.37
- Điểm cuối: TBACS T4, công suất 31,5kVA-22/0,4kV xây dựng mới.
- Loại dây dẫn: Cáp ngầm Al/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W- 3x95-24kV.
- Chiều dài tuyến: 0,028km.

e) Trạm biến áp chiếu sáng T5:

- Vị trí điểm đầu nối: Tại cột 123 lộ 371E9.13
- Điểm cuối: TBACS T5, công suất 31,5kVA-35(22)/0,4kV xây dựng mới.
- Loại dây dẫn: Cáp ngầm Al/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W- 3x95-40,5kV.
- Chiều dài tuyến: 0,616km.

7.1.2 Giải pháp xây dựng

- Đoạn cáp đi dưới lòng đường giao thông và cống thoát nước, cáp được đặt trong ống thép mạ kẽm D114 dày $\geq 3\text{mm}$ đặt trong rãnh cáp chôn sâu từ 1,1m, phía trên có băng bảo hiệu tuyến cáp.

- Đoạn cáp đi trên vỉa hè cáp được đặt trong hào cáp trên nền đất đắp ở độ sâu 0,7m, đường cáp luồn trong ống bảo vệ bằng nhựa HDPE Ø130/100 phía trên rải gạch chỉ và có băng bảo hiệu tuyến cáp.

- Bảo vệ cáp leo lên cột đầu nối, được luồn trong ống thép mạ kẽm D114 ở độ cao $\geq 3\text{m}$, đầu ống thép và chân ống thép được bịt kín bằng bitum nhào với sợi gai.

* Giải pháp xây dựng đường cáp ngầm 35kV

- Đoạn cáp đi dưới lòng đường giao thông và cống thoát nước, cáp được đặt trong ống thép mạ kẽm D114 đặt trong rãnh cáp chôn sâu từ 1,1m, phía trên có băng bảo hiệu tuyến cáp.

- Đoạn cáp đi trên vỉa hè và dải phân cách cáp được đặt trong hào cáp trên nền đất đắp ở độ sâu 1,1m, đường cáp luồn trong ống bảo vệ bằng nhựa HDPE Ø130/100 phía trên rải tấm đan bê tông cốt thép và có băng bảo hiệu tuyến cáp.

- Bảo vệ cáp leo lên cột đầu nối, được luồn trong ống thép mạ kẽm D114 ở độ cao $\geq 3\text{m}$, đầu ống thép và chân ống thép được bịt kín bằng bitum nhào với sợi gai.

7.2. Giải pháp thiết kế các trạm biến áp chiếu sáng.

7.2.1. Giải pháp công nghệ:

a) Trạm biến áp trụ thép hợp bộ 22kV

Chọn giải pháp xây dựng các trạm biến áp phụ tải 22/0,4kV kiểu dạng trạm biến áp trên trụ thép 22/0,4kV như sau:

+ Hộp che cực MBA, hộp che chắn cáp trung thế, hạ thế bằng tôn dày tối thiểu 2,0mm dập gân tạo độ cứng và được sơn tĩnh điện màu ghi sáng có cấp bảo vệ IP 44. Khung được chế tạo từ thép định hình sơn tĩnh điện.

+ Tủ trung thế RMU-22kV và tủ hạ thế 0,4kV được thiết kế hợp bộ đặt trong trụ MBA, tủ được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC 60298.

+ Máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu công suất 31,5kVA- 22/0,4kV đối với các Trạm biến áp chiếu sáng số 2, 3, 4. Máy biến áp được lắp trên đỉnh trụ thép.

+ Thanh cái 22kV: Đi từ ngăn tủ 22kV đến máy biến áp dùng cáp Cu/XLPE/CTS/PVC-W-1x95mm²-24kV. Đầu cáp nối với ngăn tủ 22kV dùng loại đầu cáp 24kV kiểu EBOW-24kV-1x95mm². Đầu cáp nối với ti sứ 22kV của MBA dùng hộp nối đầu với MBA đặc chủng (Plug in) 24kV để đảm bảo an toàn.

+ Máy biến áp 31,5kVA: Căn cứ vào công suất máy được lựa chọn, cấp tổng từ sứ ra 0,4kV mặt MBA đến tủ trọn bộ 0,4kV dùng cáp ruột đồng tiết diện 1x50mm²-600V có $I_{dm} = 197\text{A}$.

b) Trạm biến áp trụ thép hợp bộ 35kV

Chọn giải pháp xây dựng các trạm biến áp phụ tải 35(22)/0,4kV kiểu dạng trạm biến áp trên trụ thép 35(22)/0,4kV như sau:

+ Hộp che cực MBA, hộp che chắn cáp trung thế, hạ thế bằng tôn dày tối thiểu 2,0mm dập gân tạo độ cứng và được sơn tĩnh điện màu ghi sáng có cấp bảo vệ IP 44. Khung được chế tạo từ thép định hình sơn tĩnh điện.

+ Tủ trung thế RMU-35kV và tủ hạ thế 0,4kV được thiết kế hợp bộ đặt trong trụ MBA, tủ được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC 60298.

+ Máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu công suất 31,5kVA- 35(22)/0,4kV đối với các Trạm biến áp chiếu sáng số 1. Máy biến áp được lắp trên đỉnh trụ thép.

+ Thanh cái 35kV: Đi từ ngăn tủ 35kV đến máy biến áp dùng cáp

Cu/XLPE/CTS/PVC-W-1x95mm²-40,5kV. Đầu cáp nối với ngăn tủ 35kV dùng loại đầu cáp 35kV kiểu EBOW-35KV-1x95mm². Đầu cáp nối với tủ sứ 35kV của MBA dùng hộp nối đầu với MBA đặc chủng (Plug in) 35kV để đảm bảo an toàn.

+ Máy biến áp 31,5kVA: Căn cứ vào công suất máy được lựa chọn, cấp tổng từ sứ ra 0,4kV mặt MBA đến tủ trọn bộ 0,4kV dùng cáp ruột đồng tiết diện 1x50mm²-600V có I_{dm}= 197A.

7.2.2. Giải pháp xây dựng:

- Móng trạm biến áp được thiết kế bằng bê tông cốt thép đúc tại chỗ, bê tông lót móng M100, đá 4x6; bê tông móng M150, đá 2x4;

- Kích thước móng cao 2,25m; rộng 1,3m; dài 1,8m

- Bệ trạm biến áp được xây bằng gạch không nung M75.

7.3. Giải pháp thiết kế hệ thống chiếu sáng đường Bắc Nam 2.

7.3.1. Giải pháp công nghệ:

- Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột chế tạo bằng thép mạ kẽm nhúng nóng, khoảng cách trung bình giữa các cột đèn là 35m. Hệ thống chiếu sáng gồm 404 cột đèn, trong đó: Cột đèn chiếu sáng kiểu bát giác còn cao 10 + cần đèn dài 2m, sử dụng bóng đèn Led có công suất 150W là 398 cột; và cột đèn chiếu sáng bát giác cao 14m, sử dụng bóng đèn pha led có công suất 300W là: 06 cột và 24 bóng;

- Nguồn cấp điện chiếu sáng được lấy từ các tủ điện ĐKCS riêng biệt và được cấp nguồn điện 380V từ các trạm biến áp xây dựng mới hợp bộ 31,5kVA - 35(22)/0,4kV và 31,5kVA - 22/0,4kV; sử dụng cáp cấp nguồn loại Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x35mm²; cáp đến các cột đèn sử dụng loại Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x16mm²; và cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x10mm²; cáp lên các bóng đèn sử dụng loại Cáp Cu/PVC-2x1,5mm², cụ thể: Trạm biến áp chiếu sáng T1: cấp nguồn cho 86 cột đèn, Trạm biến áp chiếu sáng T2: cấp nguồn cho 88 cột đèn, Trạm biến áp chiếu sáng T3: cấp nguồn cho 90 cột đèn, Trạm biến áp chiếu sáng T4: cấp nguồn cho 73 cột đèn, Trạm biến áp chiếu sáng T5: cấp nguồn cho 67 cột đèn;

- Cáp đến cột đèn chiếu sáng: Sử dụng loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE D50/40 và chôn trực tiếp trong đất. Các vị trí vượt đường giao thông thì sử dụng ống thép mạ kẽm D75,6 thay cho ống nhựa HDPE kéo rải dọc suốt tuyến thiết kế chiếu sáng để cấp nguồn cho đèn. Cáp khi đầu nối được cân bằng tải cả 3 pha để nâng cao tính ổn định hệ thống điện, an toàn trong vận hành và sử dụng.

- Hệ thống chiếu sáng được điều khiển thông qua tủ điều khiển chiếu sáng riêng biệt. Tủ có chế độ vận hành của tuyến chiếu sáng được điều khiển tự động tại chỗ thông qua rơ le thời gian lắp tại các tủ điều khiển đặt ở cạnh trạm cấp nguồn. Điều khiển được thực hiện theo 2 chế độ: Chế độ buổi tối: bật 100% số đèn, Chế độ đêm khuya: bật sáng 1/3 số đèn. Ngoài ra còn có mạch điều khiển đóng cắt bằng tay là mạch dự phòng nhằm đóng cắt hệ thống khi mạch tự động bị sự cố và trợ giúp trong công tác duy tu sửa chữa.

7.3.2. Giải pháp xây dựng:

- Móng cột đèn chiếu sáng dùng cho cột đèn cao 12m : Dùng móng trụ bằng bê tông M200 có kích thước dài x rộng là 1,0m×1,0m, độ chôn sâu tùy theo địa hình từ 1,0m đến 2,0m.

- Móng trụ đèn chiếu sáng dùng cho cột đèn cao 14m: Dùng móng trụ bằng bê tông M200 có kích thước dài x rộng là 1,1m×1,1m, độ chôn sâu tùy theo địa hình từ 1,0m đến 2,0m.

- Cáp được chôn trực tiếp trong đất, trên hè phố và ở độ sâu $h = 0,7m$. Rãnh cáp được đào theo kiểu hình chữ nhật có cấu tạo 3 lớp (theo thứ tự từ trên xuống): Lớp thứ nhất: đất mịn dày 200mm + lưới bảo hiệu cáp; lớp thứ hai: đất mịn dày 300mm dưới lớp đất mịn rải một lớp gạch chi bảo vệ cơ học cho tuyến cáp với mật độ 9 viên/1m chiều dài; lớp thứ ba: cát đen dày 300mm. Cáp đi trên vỉa hè và dài phân cách giữa đường được đặt trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPEΦ50/40mm

- Cáp đi dưới lòng đường được luồn trong ống thép mạ kẽm D75,6mm chôn trong đất ở độ sâu 0,7-1m. Cáp có khoảng cách ngang tới các công trình xây dựng $\geq 0,6m$. Tầm rãnh cáp có khoảng cách ngang tới mép ngoài rãnh dọc 1,0m ÷ 1,5m và khoảng cách ngang mép BTN từ 2,5m ÷ 3,0m. Cáp đi chui dưới đường ống nước được luồn trong ống thép mạ kẽm D75,6 chôn trong đất ở độ sâu ít nhất đến mép dưới của ống nước là 200mm.

- Toàn bộ hệ thống nối đất được nối chung bằng dây đồng trần M10 bắt vào trung tính của bảng điện. Tại các vị trí móng cột đều được thực hiện tiếp đất an toàn bằng tiếp địa RC1 (01 cọc tiếp địa L63x63x6, dài 2,5m). Tiếp địa lặp lại được thực hiện tại vị trí cột đèn trên tuyến trung bình khoảng cách 210-300m và riêng vị trí tủ điện tiếp địa RC4 (04 cọc), dây nối bằng thép tròn Φ10.

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: thuộc địa giới hành chính các phường Xuân Lâm, Hải Bình và Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 1,1ha.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Thông báo kết quả thẩm định số 8463/SXD-HĐXD ngày 14/11/2022 của Sở Xây dựng.

11. Tổng mức đầu tư: 34.950.049.000 (Ba mươi tư tỷ, chín trăm năm mươi triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	26.697.354.365	đồng;
- Chi phí thiết bị:	2.245.514.400	đồng;
- Chi phí QLDA:	689.390.163	đồng;

- Chi phí TV ĐTXD:	1.713.382.538	đồng;
- Chi phí khác:	605.860.849	đồng;
- Dự phòng:	2.998.546.247	đồng;

(chi tiết có phụ lục tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh giai đoạn 2022-2024, nguồn tăng thu tiết kiệm chi và nguồn dự phòng ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để đầu tư dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2024.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và các thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án; Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng trình duyệt theo quy định.

- Trong bước tiếp theo, Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ ý kiến các ngành liên quan và kiến nghị của Sở Xây dựng tại thông báo kết quả thẩm định số 8463/SXD-HĐXD ngày 14/11/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Trưởng Ban Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (T12.01).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG
BẮC NAM 2 - KHU KINH TẾ NGHĨ SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB		0
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG		26.697.354.365
1	Phần xây dựng hệ thống chiếu sáng	<i>Dự toán chi tiết</i>	1.750.032.286
2	Phần lắp đặt hệ thống chiếu sáng		19.494.579.523
3	Phần xây dựng đường dây cáp ngầm trung thế		14.917.986
4	Phần lắp đặt đường dây cáp ngầm trung thế		3.561.450.785
5	Phần xây dựng trạm biến áp chiếu sáng		60.333.048
6	Phần lắp đặt trạm biến áp chiếu sáng		1.475.085.389
7	Phần lắp đặt thiết bị và hiệu chỉnh		340.955.348
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ		2.245.514.400
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Theo thông tư 12/2021/TT-BXD: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án x 0,8)	$2,403\% \times 0,8 \times 26.697.354.365$	510.659.380
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		1.713.382.538
1	Khảo sát và lập báo cáo NCKT	<i>Theo QĐ phê duyệt Số: 171/QĐ-BQLKKTNS&KCN</i>	387.914.000
2	Chi phí lập hồ sơ đăng ký môi trường	<i>Theo QĐ phê duyệt Số: 171/QĐ-BQLKKTNS&KCN</i>	40.000.000
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	$1,72\% \times 26.697.354.365$	454.823.294
4	Chi phí giám sát công tác khảo sát	<i>Theo QĐ phê duyệt Số: 171/QĐ-BQLKKTNS&KCN</i>	8.717.000
5	Chi phí thẩm tra		
-	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	$0,166\% \times 26.697.354.365$	<i>43.895.737</i>
-	<i>Thẩm tra dự toán xây dựng</i>	$0,16\% \times 26.697.354.365$	<i>42.309.144</i>
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT		
-	<i>Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát (Thông tư 12/2021/TT-BXD)</i>	$0,747\% \times 585.717.208$	<i>4.508.691</i>
-	<i>Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng + thiết bị (Thông tư 12/2021/TT-BXD)</i>	$0.302\% \times 26.697.354.365$	<i>99.419.000</i>
7	Phí thẩm định HSMT và KQ LCNT		

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH			THÀNH TIỀN
-	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	x	28.942.868.765	13.253.069
-	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	x	28.942.868.765	13.253.069
8	Chi phí giám sát				
-	Giám sát thi công xây dựng	2,215%	x	26.697.354.365	585.717.208
-	Giám sát lắp đặt thiết bị	0,803%	x	2.245.514.400	17.532.817
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị, vật tư		Tạm tính		21.600.000
VI	CHI PHÍ KHÁC				605.860.849
1	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,539%	x	34.950.049.000	207.180.393
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,333%	x 0,5 x	34.950.049.000	58.156.881
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình	0,2%	x	26.697.354.365	53.865.808
4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,016%	x	34.950.049.000	5.661.908
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	6,0%	x	585.717.208	32.539.845
6	Chi phí nghiệm thu đóng điện đường dây cáp ngầm trung thế	0,54%	x	3.256.484.002	17.585.014
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện trạm biến áp	7,2%	x	1.344.177.118	96.780.752
8	Chi phí nghiệm thu đóng điện đường dây cáp ngầm hạ thế	0,5% x 1,5	x	17.878.699.768	134.090.248
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				3.177.277.153
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	7,0%	x	31.772.771.532	2.224.094.007
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	3,0%	x	31.772.771.532	953.183.146
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	I+II+III+IV+V+VI+VII			34.950.049.000